guān jiàn cí

关键词

noun · keyword

Example Sentences

Qǐng zhǎo chū wén zhāng de guān jiàn cí
请 找 出 文 章 的 关 键词。

Please find the keywords of the article.

sōu suǒ shí shū rù zhèng què de guān jiàn cí hěn zhòng yào
搜索时输入 正 确的 关 键词很 重 要。

It is important to enter the correct keywords when searching.

Zhè ge yǎn jiǎng de guān jiàn cí shì chuàng xīn yǔ hé zuò
这个演 讲 的 关 键词是 创 新与合作。

The keywords of this speech are innovation and cooperation.

Trace each character, then write the word on your own.